

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3138 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:
Xây dựng hệ thống chiếu sáng nơi lên cá cho 5 tổ đồng quản lý (Quảng Hải,
Quảng Vinh, Quảng Hùng, Quảng Đại, Quảng Thái)
Dự án: “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững”, vay vốn WB**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Hiệp định số 5113-VN được ký ngày 09/8/2012 giữa Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về Ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: số 1188/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ xây dựng mô hình đồng quản lý cho các tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ thuộc Hợp phần C; số 548/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu 18 tháng Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 133/TTr-SNN&PTNT ngày 22/8/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hệ thống chiếu sáng nơi lên cá cho 5 tổ

đồng quản lý (Quảng Hải, Quảng Vinh, Quảng Hùng, Quảng Đại, Quảng Thái) thuộc Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững, vốn vay WB; kèm theo Công văn số 4527/SXD-HĐXD ngày 21/8/2017 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hệ thống chiếu sáng nơi lên cá cho 05 tổ đồng quản lý Quảng Hải, Quảng Vinh, Quảng Hùng, Quảng Đại, Quảng Thái thuộc Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững, vốn vay WB,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng hệ thống chiếu sáng nơi lên cá cho 5 tổ đồng quản lý (Quảng Hải, Quảng Vinh, Quảng Hùng, Quảng Đại, Quảng Thái) thuộc dự án: “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững”, vay vốn WB, với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng hệ thống chiếu sáng nơi lên cá cho 5 tổ đồng quản lý (Quảng Hải, Quảng Vinh, Quảng Hùng, Quảng Đại, Quảng Thái).

2. Cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Phường Quảng Vinh, xã Quảng Hùng, xã Quảng Đại, Thành phố Sầm Sơn; xã Quảng Hải, xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương.

5. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo quản lý khai thác thủy sản ven bờ được bền vững thông qua việc thực hiện các mô hình đồng quản lý hoạt động khai thác thủy sản ven bờ đặc biệt là những khu vực có đa dạng sinh học cao hoặc khu vực là môi trường sống quan trọng cho các loài thủy sinh.

6. Nội dung đầu tư và quy mô đầu tư xây dựng:

Xây dựng đường điện chiếu sáng bao gồm lắp dựng cột, đường dây và phụ kiện đường dây phục vụ nơi lên cá cho 05 tổ đồng quản lý Quảng Hải, Quảng Vinh, Quảng Hùng, Quảng Đại, Quảng Thái. Điểm đầu từ lưới điện hiện có, điểm cuối tại khu vực bến lên cá và thỏa thuận của địa phương, với giải pháp thiết kế chủ yếu: Cột bê tông đi dây điện chiếu sáng H-6,5C; H-8,5C và cột đèn chiếu sáng (bóng 250W, cột thép mạ kẽm Φ90 liền cần 7m); móng cột bê tông, chôn sẵn bu lông, tiếp địa liền kết với chân cột. Dây cáp điện chiếu sáng đi nổi bằng cáp vện xoắn 2x35mm², dây dẫn lên bóng sử dụng dây CU/XPLE/PVC 2x4mm² (có hồ sơ kèm theo).

7. Giải phóng mặt bằng: Công trình xây dựng trên nền công trình cũ, các xã tham gia dự án cam kết bố trí mặt bằng để thực hiện xây dựng công trình.

8. Tổng mức đầu tư: 1.089.034.000 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi chín triệu, không trăm ba mươi tư nghìn đồng);

Trong đó:

Chi phí xây dựng	867.946.176 đồng;
Chi phí quản lý dự án	21.801.230 đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD	103.315.103 đồng;
Chi phí khác	44.112.570 đồng;
Chi phí dự phòng	51.858.754 đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

10. Nguồn vốn: Vốn quỹ môi trường toàn cầu (GEF), vốn đối ứng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Không quá 02 năm (2017 – 2019).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thế giới.

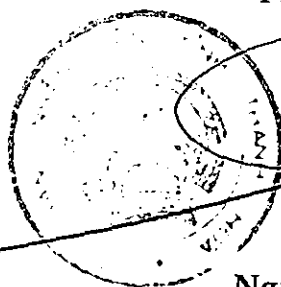
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Giám đốc Ban quản lý Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hoá; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- BQL Trung ương, Dự án CRSD;
- Lưu: VT, NN.(A309)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu chi tiết: **TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

Công trình: Xây dựng hệ thống chiếu sáng nơi lên cá cho 5 tổ đồng quản lý
(Quảng Hải, Quảng Vinh, Quảng Hùng, Quảng Đại, Quảng Thái)
thuộc Dự án: "Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững", vay vốn WB

(Kèm theo Quyết định số: 3438/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	I (1+2)	789.041.978	78.904.198	867.946.176
1	Tổ đồng quản lý phường Quảng Vinh, TP. Sầm Sơn		Diễn giải chi tiết	130.088.323	13.008.832	143.097.155
2	Tổ đồng quản lý xã Quảng Hùng, TP. Sầm Sơn		nt	135.113.914	13.511.391	148.625.306
3	Tổ đồng quản lý xã Quảng Đại, TP. Sầm Sơn		nt	171.670.045	17.167.005	188.837.050
4	Tổ đồng quản lý xã Quảng Hải, huyện Quảng Xương		nt	171.152.160	17.115.216	188.267.376
5	Tổ đồng quản lý xã Quảng Thái, huyện Quảng Xương		nt	181.017.536	18.101.754	199.119.289
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlda	$(G_{XD} + G_{TB})^{trước VAT} \times 2,763\%$	21.801.230		21.801.230
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv	1+.....+7	94.100.714	9.214.389	103.315.103
1	Chi phí khảo sát địa hình		Theo Quyết định số 415/QĐ-SNN&PTNT	18.710.909	1.871.091	20.582.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (theo QĐ 79/QĐ-BXD)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 5,800\%$	45.764.435	4.576.443	50.340.878
3	Chi phí thẩm định thiết kế (TT 210/2016/TT-BTC)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,126\%$	994.193		994.193
4	Chi phí thẩm định dự toán (TT 210/2016/TT-BTC)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,122\%$	962.631		962.631
5	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp (theo QĐ 79/QĐ-BXD)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,388\%$	3.061.483	306.148	3.367.631
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng		$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,566\%$	20.246.817	2.024.682	22.271.499
7	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		$20\% \times G_{qlda}$	4.360.246	436.025	4.796.271

IV	CHI PHÍ KHÁC	G _k		41.682.321	2.430.249	44.112.570
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)		Theo Văn bản số 2814/BXD-GD ngày 30/12/2013	10.000.000		10.000.000
2	Lệ phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Thông tư 209/2016/TT-BTC)		TMĐT _x 0,019%	206.916		206.916
3	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp (Theo ND số 63/2014/ND-CP)		Mức tối thiểu (2*1.000.000đ)	2.000.000		2.000.000
4	Chi phí bảo hiểm cụng trình		G _{XD} ^{trước VAT} _x 0,080%	631.234	63.123	694.357
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (TT09/2016/TT-BTC)		50%*(TMĐT) _x 0,950%	5.172.912		5.172.912
6	Chi phí hạng mục chung		G _{XD} ^{trước VAT} _x 3,000%	23.671.259	2.367.126	26.038.385
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G _{DP}			-	51.858.754
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh		(G _{XD} +G _{TB} +G _{TV} +G _{QLDA} +G _K) x 5,0%		-	51.858.754
TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)						1.089.034.000